TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 187/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2019

V/v ly hôn

NHÂN DA

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Tuấn Anh

Ông Đặng Hoàng Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Phạm Lan Chi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Vắng mặt.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Tú A, sinh năm 1986 (có yêu cầu xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp ST, xã TP, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: A Nguyễn Nhựt B, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 12/9/2019 chị Hồ Tú A trình bày:*

Chị Tú A và A B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 22/11/2011. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, xảy ra nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng chị Tú A đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị Tú A yêu cầu ly hôn với A B.

Con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 20/02/2012 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 30/3/2016. Con chung hiện chị Tú A nuôi dạy nên khi ly hôn chị Tú A yêu cầu tiếp tục nuôi dạy và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị Tú A không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng và quan hệ pháp luật trA chấp:

[1] Chị Hồ Tú A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là A Nguyễn Nhựt B. Do chị Tú A và A B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là trA chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; A B có địa chỉ tại ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Tú A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tống đạt hợp lệ cho anh B nhưng anh B không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị Tú A và vắng mặt tại phiên họp và hòa giải không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho anh B nhưng anh B vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với chị Hồ Tú A có yêu cầu xin vắng mặt tại vụ án và trực tiếp nộp tại Tòa án vào ngày 14/11/2019 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Tú A theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự. Riêng Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 232 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Hồ Tú A và anh Nguyễn Nhựt B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 22/11/2011. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa A chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Tại đơn khởi kiện chị Tú A yêu cầu ly hôn với anh B. Vì chị Tú A cho rằng thời gian chung sống không hợp nhau do phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay mà không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để chị Tú A và anh B có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh B vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Hồ Tú A và anh Nguyễn Nhựt B được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, chị Tú A và anh B có hai con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 20/02/2012 (giới tính nữ) và Nguyễn Gia H, sinh ngày 30/3/2016 (giới tính nữ). Xét thấy, tại đơn khởi kiện, chị Tú A yêu cầu nuôi dạy cháu con chung là có căn cứ. Bởi vì, con chung hiện chị Tú A nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của các cháu. Hơn nữa, cháu H đã trên 07 tuổi, tại bản tự khai ngày 12/9/2019 và biên bản ghi lời khai của cháu H, cháu H có yêu cầu và nguyện vọng được sống cùng chị Tú A nên yêu cầu, nguyện vọng của cháu H phù hợp theo quy định pháp luật và được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần tiếp tục giao con chung cho chị Tú A nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại đơn khởi kiện chị Tú A yêu cầu A B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên; thời gian anh B và chị Tú A chung sống có hai con chung là cháu Ngọc H, sinh ngày 20/02/2012 và cháu Gia H, sinh ngày 30/3/2016. Hiện con chung chưa đủ 18 tuổi. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết có tống đạt thông báo thụ lý cho A

B biết yêu cầu của chị Tú A về việc yêu cầu A B cấp dưỡng nuôi con nhưng anh B không có ý kiến; con chung do chị Tú A nuôi dạy, A B không trực tiếp nuôi dạy con chung nên anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định pháp luật. Vì vậy cần buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/tháng/con chung kể từ khi án có hiệu lực đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: A Nguyễn Nhựt B phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tú A xác định thời gian chung sống A chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Tại xác nhận ngày 12/9/2019 của Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Thới Bình và xác nhận ngày 23/10/2019 của Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Cái Nước xác nhận tại thời điểm xác nhận vợ chồng chị Tú A và A B không bị ai thưa kiện về nợ tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Tú A và anh Nguyễn Nhựt B phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Xét xử vắng mặt đối với chị Hồ Tú A và anh Nguyễn Nhựt B.

2.Về hôn nhân: Chị Hồ Tú A và anh Nguyễn Nhựt B được ly hôn.

3. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 20/02/2012 (giới tính nữ) và Nguyễn Gia H, sinh ngày 30/3/2016 (giới tính nữ) cho chị Hồ Tú A tiếp tục nuôi dạy. Anh Nguyễn Nhựt B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy

định pháp luật với mức cấp dưỡng 745.000 đồng/tháng/con chung kể từ án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

4. Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Tú A phải nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 12 tháng 9 năm 2019 chị Tú A có dự nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0010696 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

Án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Nhựt B nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng).*

7. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bản án này là sơ thẩm, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

8.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-Chi cục THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Kiều Trang